

Bản án số: 77/2020/HS-ST

Ngày 09-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hải Quân

Bà Tô Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1983 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1944 và bà Hoàng Bích L, sinh năm 1948; có vợ Dương Thị T, sinh năm 1985; có 02 con: Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn khởi tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị hại: Bà Dương Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Mạnh H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân nghiện ma túy và không có tiền tiêu sai nên ngày 29/4/2020, Phạm Văn B đi đến nhà chị Dương Thị N tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 12D1-180.xx màu trắng, đen, bạc với mục đích lừa lấy tài sản mang đi bán. Do Phạm Văn B là anh rể nên vợ chồng chị Dương Thị N tin tưởng giao xe cho Phạm Văn B mượn. Sau khi mượn được, Phạm Văn B dùng xe để đi lại đến ngày 05/5/2020, Phạm Văn B mang chiếc xe trên đi bán cho ông Chu Mạnh H lấy 8.000.000 đồng để tiêu sai và mua ma túy sử dụng. Ngày 01/6/2020, chị Dương Thị N đã viết đơn trình báo cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 23/KLĐGTSHS ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 12D1-180.xx màu trắng, đen, bạc, số khung 1258FY309329, số máy HC12E7309380, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu tháng 9/2016, có giá trị được định giá là 10.750.000 đồng.

Theo bản Cáo trạng số: 70/CT-VKS ngày 24/8/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn B về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 12 đến 18 tháng tù giam; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về phần dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn B phải bồi thường cho ông Chu Mạnh H số tiền 8.000.000 đồng và xem xét nghĩa vụ chịu án phí đối với bị cáo.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ xác định: Hồi 18 giờ ngày 29/4/2020, tại khu vực thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Phạm Văn B nảy sinh ý định đến nhà chị Dương Thị N lừa lấy tài sản mang đi bán. Khi mượn được chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1-180.xx, Phạm Văn B mang bán cho ông Chu Mạnh H để lấy tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 10.750.000 đồng. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Phạm Văn B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do nghiện ma túy cần tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng nên bị cáo cố ý phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một cách nghiêm minh trước pháp luật với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân: Hiện nay, bị cáo Phạm Văn B là người có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, hiện bị cáo đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn khởi tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua điều tra xác minh cho thấy, bị cáo Phạm Văn B là người nghiện ma túy, không có tài sản đảm bảo cho việc thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn B thừa nhận đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1-180.xx cho ông Chu Mạnh H số tiền 8.000.000 đồng. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa đã làm rõ được việc bị cáo Phạm Văn B mang xe đi bán, ông Chu Mạnh H không biết đây là tài sản do Phạm Văn B lừa đảo chiếm đoạt mà có. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp mua bán bất hợp pháp ngay thẳng nên

buộc bị cáo phải trả lại cho ông Chu Mạnh H số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

[8] Vật chứng: Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1-180.xx màu trắng, đen, bạc cũ, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 0046c30 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Dương Thị N.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn B bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và ngoài ra còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 48; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn B phải trả cho ông Chu Mạnh H số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm